

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2021

V/v ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Liêu Bích Nga

Ông Trần Nguyễn Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1995. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1975. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1310 P, Q, NJ 08104, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2021, nguyên đơn chị A trình bày: Chị và anh B quen biết nhau qua mạng xã hội, anh chị tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng thì tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2019 và đã được Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và anh chị cùng sống với nhau được 01 tháng tại Việt Nam thì anh B trở về Hoa Kỳ. Anh B có làm thủ tục bảo lãnh chị A sang Hoa Kỳ để chung sống nhưng do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm không còn nên chị A không sang Hoa Kỳ chung sống với anh B nữa và yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A xác định chị và anh B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với bị đơn anh B: Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã nhận được văn bản trả lời của anh B đề ngày 08/3/2021 về những vấn đề có liên quan đến quan hệ hôn nhân giữa anh với chị A: Anh B xác định anh chị tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 15/10/2018 tại Bạc Liêu; quá trình chung sống không hạnh phúc, vài tháng sau khi kết hôn vợ chồng không thể hòa hợp do có khác biệt, nay anh B đồng ý ly hôn; anh B xác định anh và chị A không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu; anh B có yêu cầu vắng mặt, không tham gia phiên tòa do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không đặt ra xem xét; án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị A phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh B có quốc tịch Hoa Kỳ, đang cư trú tại địa chỉ: 11310 P, Q, NJ 08104, Hoa Kỳ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã nhận được ý kiến phản hồi của anh B xác định do anh không về Việt Nam tham gia phiên phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với anh B.

[4] Đối với nguyên đơn chị A, ngày 12/01/2021 chị A đã có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy, đơn xin xét xử vắng mặt của chị A là phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị A.

[5] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A với anh B, chị A xác định chị và anh B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam ngày 15/10/2019 và căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu cấp nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa

anh B và chị A là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai của chị A có cơ sở xác định, sau khi kết hôn chị A và anh B chung sống với nhau trong thời gian ngắn khoảng 01 tháng Việt Nam, sau đó, anh B về Hoa Kỳ, chị A xác định không còn tình cảm với anh B, cuộc sống chung không tồn tại, hôn nhân không thể kéo dài. Nay chị A xác định hôn nhân không thể hàn gắn để chung sống với nhau được nữa và yêu cầu ly hôn. Đối với anh B, Tòa án nhận được văn bản nêu ý kiến của anh thống nhất các nội dung về hôn nhân chị A trình bày và đồng ý ly hôn với chị A.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, theo đó thì giữa chị A và anh B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, làm cho hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thực hiện được do mỗi người ở một nơi. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[7] Về con chung: Chị A và anh B xác định anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị A và anh B thống nhất xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, chị A phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị A và xử cho chị A được ly hôn anh B; Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Án phí chị A phải chịu toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 280; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 474; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; khoản 1 Điều 122; khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A với anh B.

Xử cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: chị A và anh B xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh B xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị A (do C nộp thay) đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0014969 ngày 28/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- UBND huyện O;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt